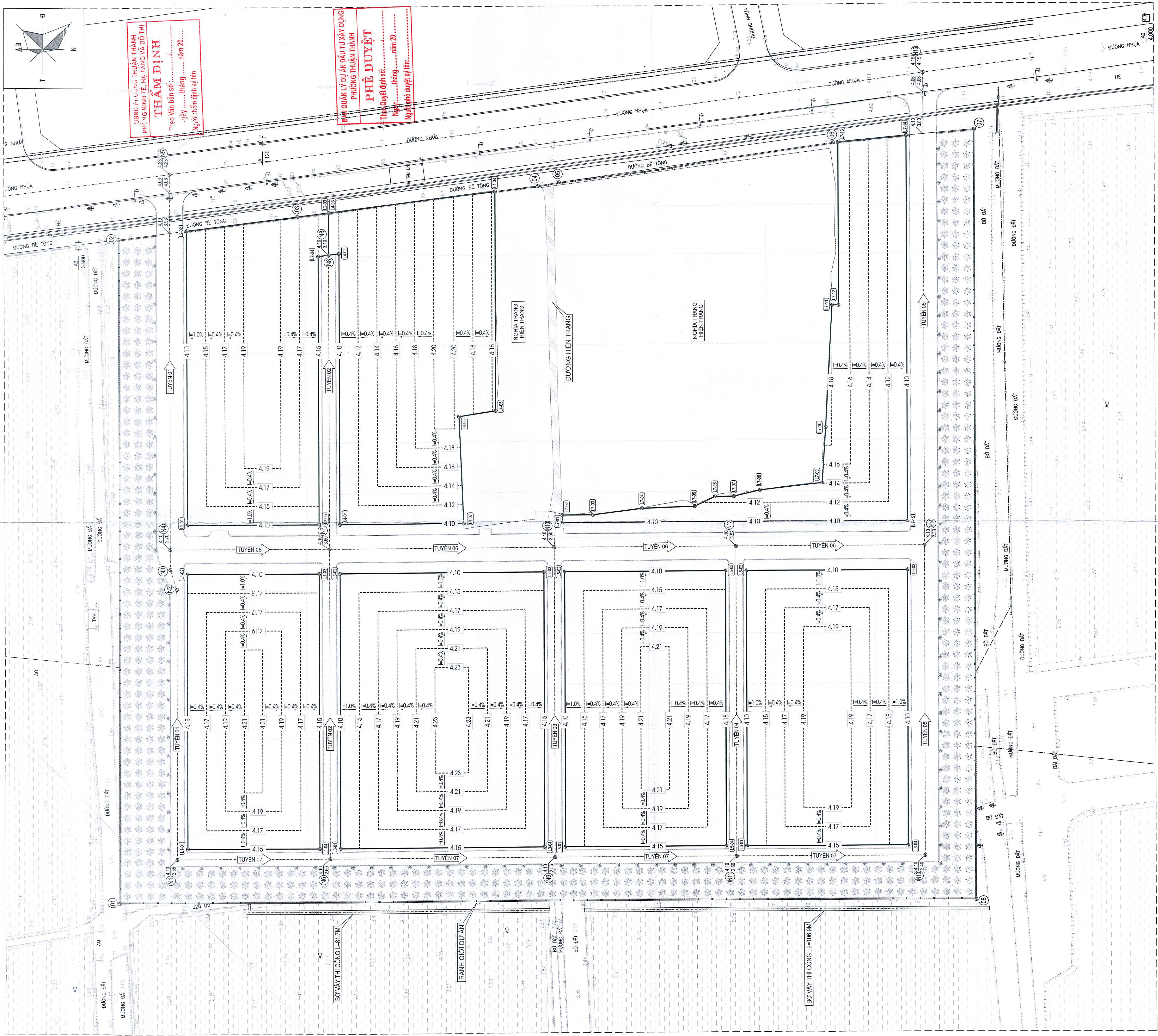
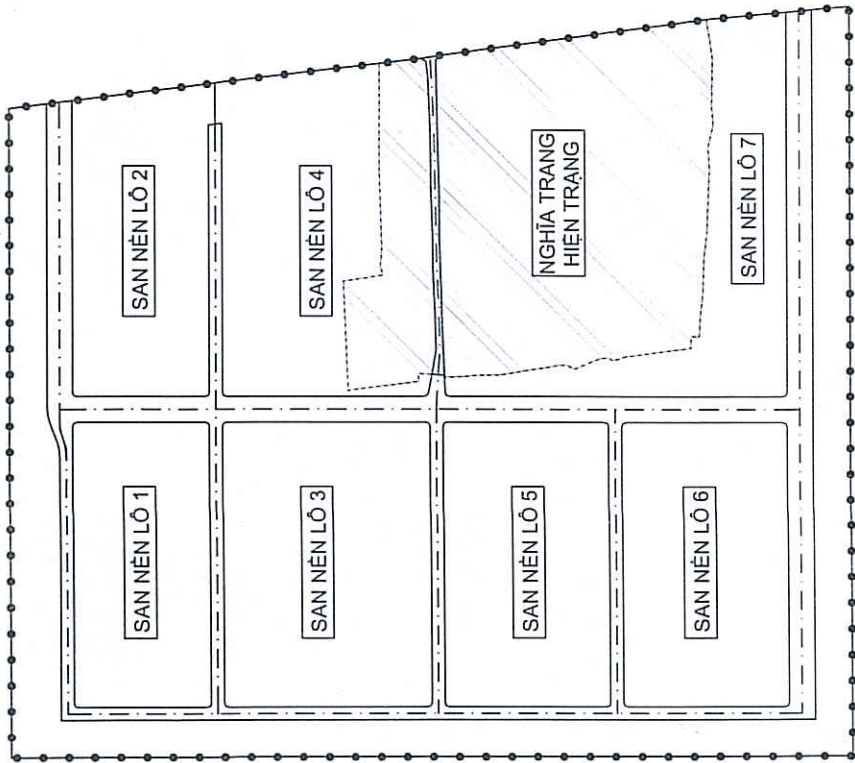


DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ
DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH
ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC THIẾT KẾ CÁC LÔ SÂN NỀN



SƠ HẠ VỊ TRÍ CÁC LÔ SÂN NỀN



GHI CHÚ

- Tường rào hiện trạng
- Mương, rãnh
- Nhà tôn, nhà tạm
- Nhà cấp 4
- Nhà mái bằng
- Bia mộ
- Cột điện hạ thế
- Cột điện trung thế
- Tia luy
- Mặt nước
- Vía hè
- Cây xanh
- Điểm nút tọa độ
- Cao độ TK (CH)
- Tên nút
- Cao độ tự nhiên

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH GIỚI GH

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
01	2328168.92	560370.77	
02	2328168.75	560546.06	
03	2328122.56	560552.53	
04	2328069.05	560560.18	
05	2328053.47	560561.08	
06	2328081.06	560571.15	
07	2328043.83	560574.49	
08	2328043.83	560370.78	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ NÚT GT

Tên nút	Tọa độ (m)	X	Y
N01	2328164.680	560382.524	
N02	2328151.986	560454.267	
N03	2328131.337	560459.52	
N04	2328131.326	560464.804	
N05	2328131.231	560555.856	
N06	2328111.33	560464.804	
N07	2328114.335	560542.417	
N08	2328114.335	560382.528	
N09	2328065.033	560382.528	
N10	2328065.033	560464.804	
N11	2328007.026	560382.53	
N12	2328007.026	560464.804	
N13	2328057.336	560382.532	
N14	2328057.336	560464.804	
N15	2328057.336	560560.18	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 1

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L1-01	2328151.907	560382.274	
L1-02	2328151.836	560463.304	
L1-03	2328117.085	560463.304	
L1-04	2328117.085	560382.275	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 2

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L2-01	2328151.827	560471.304	
L2-02	2328151.751	560546.804	
L2-03	2328122.556	560552.535	
L2-04	2328114.335	560553.564	
L2-05	2328114.335	560542.416	
L2-06	2328117.085	560542.416	
L2-07	2328117.085	560471.304	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 3

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L3-01	2328111.695	560385.276	
L3-02	2328111.695	560463.304	
L3-03	2328057.789	560463.304	
L3-04	2328057.789	560385.276	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 4

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L4-01	2328111.585	560471.304	
L4-02	2328111.585	560542.417	
L4-03	2328114.335	560553.564	
L4-04	2328070.385	560553.564	
L4-05	2328070.385	560500.860	
L4-06	2328080.025	560469.534	
L4-07	2328078.870	560471.304	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 5

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L5-01	2328062.288	560385.276	
L5-02	2328062.288	560463.304	
L5-03	2328009.810	560463.304	
L5-04	2328009.807	560385.280	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 6

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L6-01	2328004.307	560385.280	
L6-02	2328004.310	560463.304	
L6-03	2328061.832	560463.304	
L6-04	2328061.820	560385.282	

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ RANH LÔ 7

Tên điểm	Tọa độ (m)	X	Y
L7-01	2328052.787	560471.304	
L7-02	2328052.883	560473.295	
L7-03	2328044.833	560473.295	
L7-04	2328041.863	560473.295	
L7-05	2328017.611	560473.384	
L7-06	2328012.585	560477.897	
L7-07	2328009.570	560477.897	
L7-08	2328009.685	560473.594	
L7-09	2328004.256	560469.085	
L7-10	2328003.335	560553.383	
L7-11	2328003.159	560553.383	
L7-12	2328012.647	560571.259	
L7-13	2328012.647	560571.259	
L7-14	2328061.849	560473.384	
L7-15	2328061.834	560473.384	

ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC SAN NỀN

- Đường đồng mức được thiết kế trên cơ sở các dữ liệu địa hình trong bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1:500, đã phê duyệt.
- Cao độ đường đồng mức trong các ô phải khớp với cao độ đã ghi, bỏ ra các tuyến đường xung quanh.
- Dữ liệu nước ngầm theo bản đồ địa chất 1:50,000.

LƯU Ý: PHƯƠNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DÂN CẢM THƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC SAN NỀN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG

CHỨC DANH: HỌ TÊN: TÔNG VĂN BÀ

KT: 2025

CHỦ KÝ: TÔNG VĂN BÀ

CHỦ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN CHIẾN

KIỂM TRA: NGUYỄN ĐÌNH HƯNG

THÀNH AN

CHUYÊN GIAO CHỈ THỊ

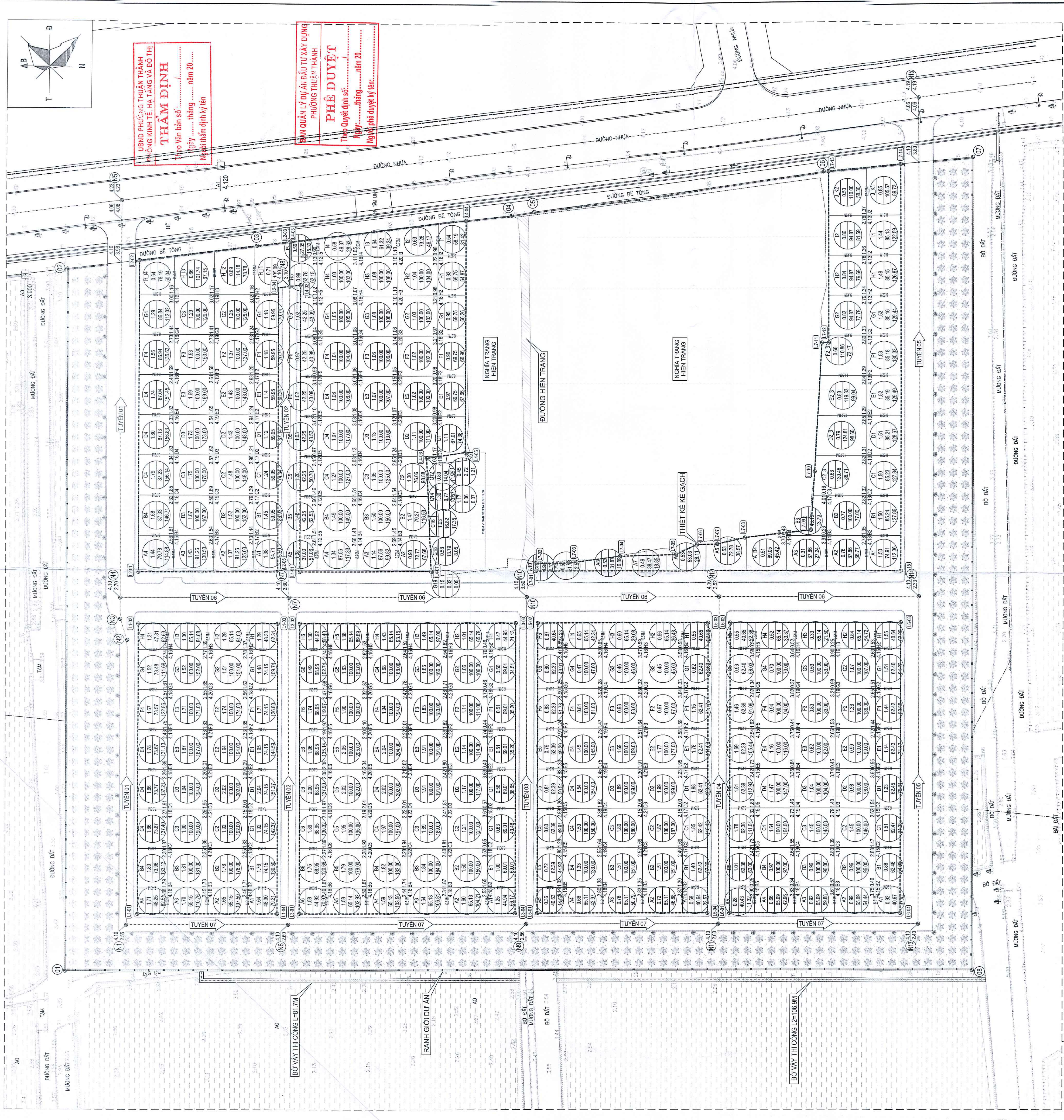
KY HIỆU SH-02

TỶ LỆ: 1:500

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

TÍNH KHỐI LƯỢNG SAN NỀN CÁC LỖ



GHI CHÚ

- Đường rào hiện trạng
- Nhà tôn, nhà tạm
- Nhà cấp 4
- Nhà mái bằng
- Bìa mộ
- Cột điện hạ thế
- Cột điện trung thế
- Trại lỵ
- Mặt nước
- Vĩa hè
- Cây xanh
- Điểm nút tọa độ
- Cao độ TK (CH)
- Cao độ tự nhiên

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN GIỚI HẠN

Tên điểm	X	Y
01	223168.92	560370.77
02	223169.75	560466.65
03	223172.55	560552.63
04	223169.05	560560.18
05	223163.47	560561.08
06	223161.06	560571.15
07	223164.63	560574.49
08	223164.63	560370.78

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 1

Tên điểm	X	Y
L1-01	223161.907	560385.274
L1-02	223161.585	560456.304
L1-03	223161.065	560456.304
L1-04	223161.065	560385.274
L2-01	223161.907	560456.304
L2-02	223161.585	560456.304
L2-03	223161.065	560456.304
L2-04	223161.065	560385.274
L3-01	223161.907	560456.304
L3-02	223161.585	560456.304
L3-03	223161.065	560456.304
L3-04	223161.065	560385.274
L4-01	223161.907	560456.304
L4-02	223161.585	560456.304
L4-03	223161.065	560456.304
L4-04	223161.065	560385.274
L5-01	223161.907	560456.304
L5-02	223161.585	560456.304
L5-03	223161.065	560456.304
L5-04	223161.065	560385.274
L6-01	223161.907	560456.304
L6-02	223161.585	560456.304
L6-03	223161.065	560456.304
L6-04	223161.065	560385.274
L7-01	223161.907	560456.304
L7-02	223161.585	560456.304
L7-03	223161.065	560456.304
L7-04	223161.065	560385.274
L8-01	223161.907	560456.304
L8-02	223161.585	560456.304
L8-03	223161.065	560456.304
L8-04	223161.065	560385.274
L9-01	223161.907	560456.304
L9-02	223161.585	560456.304
L9-03	223161.065	560456.304
L9-04	223161.065	560385.274
L10-01	223161.907	560456.304
L10-02	223161.585	560456.304
L10-03	223161.065	560456.304
L10-04	223161.065	560385.274

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 2

Tên điểm	X	Y
L21-01	223161.907	560456.304
L21-02	223161.585	560456.304
L21-03	223161.065	560456.304
L21-04	223161.065	560385.274
L22-01	223161.907	560456.304
L22-02	223161.585	560456.304
L22-03	223161.065	560456.304
L22-04	223161.065	560385.274
L23-01	223161.907	560456.304
L23-02	223161.585	560456.304
L23-03	223161.065	560456.304
L23-04	223161.065	560385.274
L24-01	223161.907	560456.304
L24-02	223161.585	560456.304
L24-03	223161.065	560456.304
L24-04	223161.065	560385.274
L25-01	223161.907	560456.304
L25-02	223161.585	560456.304
L25-03	223161.065	560456.304
L25-04	223161.065	560385.274
L26-01	223161.907	560456.304
L26-02	223161.585	560456.304
L26-03	223161.065	560456.304
L26-04	223161.065	560385.274
L27-01	223161.907	560456.304
L27-02	223161.585	560456.304
L27-03	223161.065	560456.304
L27-04	223161.065	560385.274
L28-01	223161.907	560456.304
L28-02	223161.585	560456.304
L28-03	223161.065	560456.304
L28-04	223161.065	560385.274
L29-01	223161.907	560456.304
L29-02	223161.585	560456.304
L29-03	223161.065	560456.304
L29-04	223161.065	560385.274
L30-01	223161.907	560456.304
L30-02	223161.585	560456.304
L30-03	223161.065	560456.304
L30-04	223161.065	560385.274

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 3

Tên điểm	X	Y
L31-01	223161.907	560456.304
L31-02	223161.585	560456.304
L31-03	223161.065	560456.304
L31-04	223161.065	560385.274
L32-01	223161.907	560456.304
L32-02	223161.585	560456.304
L32-03	223161.065	560456.304
L32-04	223161.065	560385.274
L33-01	223161.907	560456.304
L33-02	223161.585	560456.304
L33-03	223161.065	560456.304
L33-04	223161.065	560385.274
L34-01	223161.907	560456.304
L34-02	223161.585	560456.304
L34-03	223161.065	560456.304
L34-04	223161.065	560385.274
L35-01	223161.907	560456.304
L35-02	223161.585	560456.304
L35-03	223161.065	560456.304
L35-04	223161.065	560385.274
L36-01	223161.907	560456.304
L36-02	223161.585	560456.304
L36-03	223161.065	560456.304
L36-04	223161.065	560385.274
L37-01	223161.907	560456.304
L37-02	223161.585	560456.304
L37-03	223161.065	560456.304
L37-04	223161.065	560385.274
L38-01	223161.907	560456.304
L38-02	223161.585	560456.304
L38-03	223161.065	560456.304
L38-04	223161.065	560385.274
L39-01	223161.907	560456.304
L39-02	223161.585	560456.304
L39-03	223161.065	560456.304
L39-04	223161.065	560385.274
L40-01	223161.907	560456.304
L40-02	223161.585	560456.304
L40-03	223161.065	560456.304
L40-04	223161.065	560385.274

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 4

Tên điểm	X	Y
L41-01	223161.907	560456.304
L41-02	223161.585	560456.304
L41-03	223161.065	560456.304
L41-04	223161.065	560385.274
L42-01	223161.907	560456.304
L42-02	223161.585	560456.304
L42-03	223161.065	560456.304
L42-04	223161.065	560385.274
L43-01	223161.907	560456.304
L43-02	223161.585	560456.304
L43-03	223161.065	560456.304
L43-04	223161.065	560385.274
L44-01	223161.907	560456.304
L44-02	223161.585	560456.304
L44-03	223161.065	560456.304
L44-04	223161.065	560385.274
L45-01	223161.907	560456.304
L45-02	223161.585	560456.304
L45-03	223161.065	560456.304
L45-04	223161.065	560385.274
L46-01	223161.907	560456.304
L46-02	223161.585	560456.304
L46-03	223161.065	560456.304
L46-04	223161.065	560385.274
L47-01	223161.907	560456.304
L47-02	223161.585	560456.304
L47-03	223161.065	560456.304
L47-04	223161.065	560385.274
L48-01	223161.907	560456.304
L48-02	223161.585	560456.304
L48-03	223161.065	560456.304
L48-04	223161.065	560385.274
L49-01	223161.907	560456.304
L49-02	223161.585	560456.304
L49-03	223161.065	560456.304
L49-04	223161.065	560385.274
L50-01	223161.907	560456.304
L50-02	223161.585	560456.304
L50-03	223161.065	560456.304
L50-04	223161.065	560385.274

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 5

Tên điểm	X	Y
L51-01	223161.907	560456.304
L51-02	223161.585	560456.304
L51-03	223161.065	560456.304
L51-04	223161.065	560385.274
L52-01	223161.907	560456.304
L52-02	223161.585	560456.304
L52-03	223161.065	560456.304
L52-04	223161.065	560385.274
L53-01	223161.907	560456.304
L53-02	223161.585	560456.304
L53-03	223161.065	560456.304
L53-04	223161.065	560385.274
L54-01	223161.907	560456.304
L54-02	223161.585	560456.304
L54-03	223161.065	560456.304
L54-04	223161.065	560385.274
L55-01	223161.907	560456.304
L55-02	223161.585	560456.304
L55-03	223161.065	560456.304
L55-04	223161.065	560385.274
L56-01	223161.907	560456.304
L56-02	223161.585	560456.304
L56-03	223161.065	560456.304
L56-04	223161.065	560385.274
L57-01	223161.907	560456.304
L57-02	223161.585	560456.304
L57-03	223161.065	560456.304
L57-04	223161.065	560385.274
L58-01	223161.907	560456.304
L58-02	223161.585	560456.304
L58-03	223161.065	560456.304
L58-04	223161.065	560385.274
L59-01	223161.907	560456.304
L59-02	223161.585	560456.304
L59-03	223161.065	560456.304
L59-04	223161.065	560385.274
L60-01	223161.907	560456.304
L60-02	223161.585	560456.304
L60-03	223161.065	560456.304
L60-04	223161.065	560385.274

BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 6

Tên điểm	X	Y
L61-01	223161.907	560456.304
L61-02	223161.585	560456.304
L61-03	223161.065	560456.304
L61-04	223161.065	560385.274
L62-01	223161.907	560456.304
L62-02	223161.585	560456.304
L62-03	223161.065	560456.304
L62-04	223161.065	560385.274
L63-01	223161.907	560456.304
L63-02	223161.585	560456.304
L63-03	223161.065	560456.304
L63-04	223161.065	560385.274
L64-01	223161.907	560456.304
L64-02	223161.585	560456.304
L64-03	223161.065	560456.304
L64-04	223161.065	560385.274
L65-01	223161.907	560456.304
L65-02	223161.585	560456.304
L65-03	223161.065	560456.304
L65-04	223161.065	560385.274
L66-01	223161.907	560456.304
L66-02	223161.585	560456.304
L66-03	223161.065	560456.304
L66-04	223161.065	560385.274
L67-01	223161.907	560456.304
L67-02	223161.585	560456.304
L67-03	223161.065	560456.304
L67-04	223161.065	560385.274
L68-01	223161.907	560456.304
L68-02	223161.585	560456.304
L68-03	223161.065	560456.304
L68-04	223161.065	560385.274
L69-01	223161.907	560456.304
L69-02	223161.585	560456.304
L69-03	223161.065	560456.304
L69-04	223161.065	560385.274
L70-01	223161.907	560456.304
L70-02	223161.585	560456.304
L70-03	223161.065	560456.304
L70-04	223161.065	560385.274

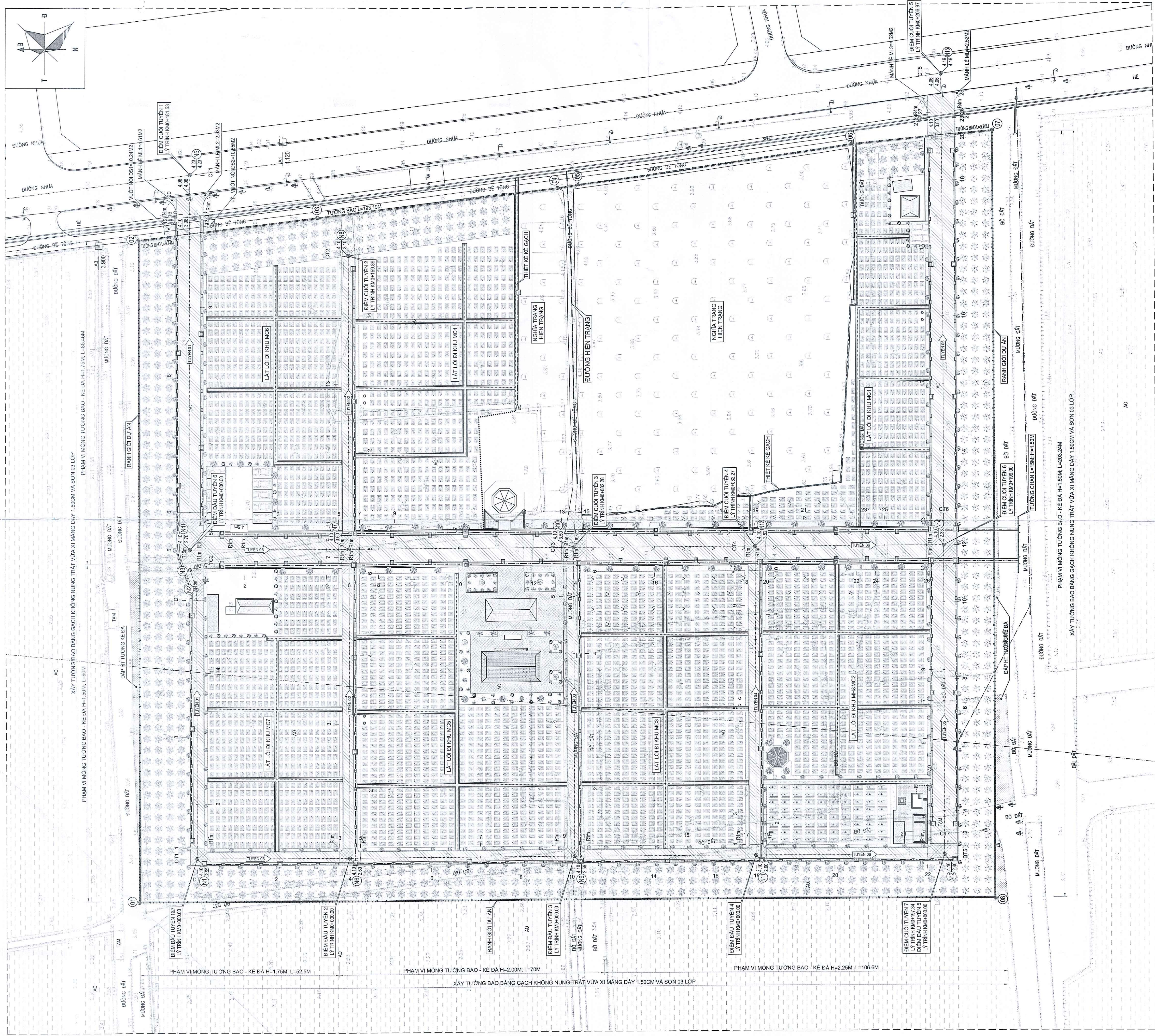
BẢNG KẾ TOA ĐỘ BÊN LỖ 7

Tên điểm	X	Y
L71-01	223161.907	560456.304
L71-02	223161.585	560456.304
L71-03	223161.065	560456.304
L71-04	223161.065	560385.274
L72-01	223161.907	560456.304
L72-02	223161.585	560456.304
L72-03	223161.065	560456.304
L72-04	223161.065	560385.274

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ GIAO THÔNG



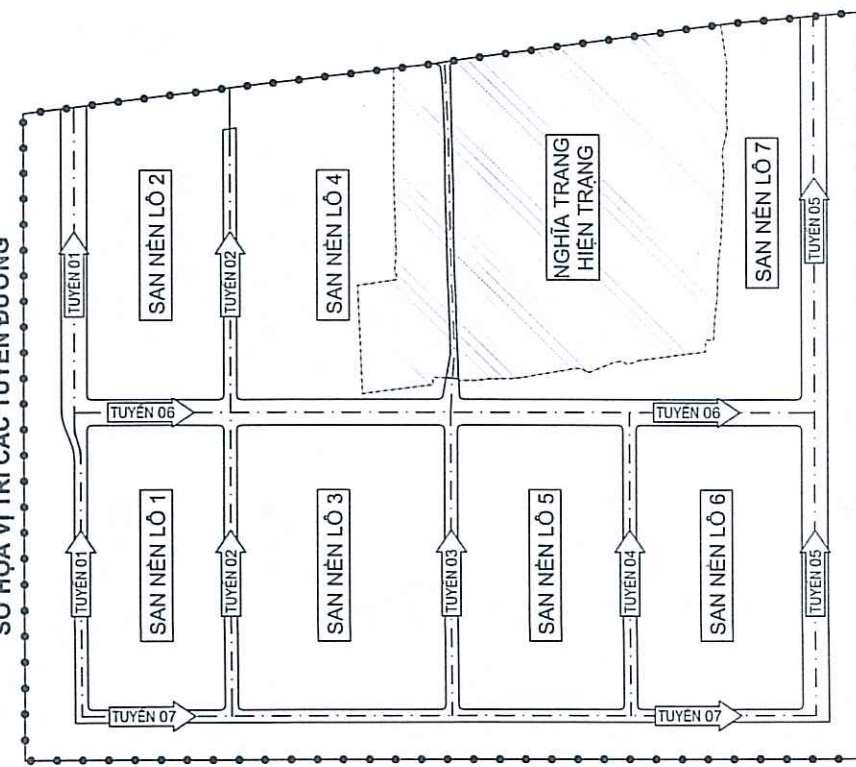
GHI CHÚ	
— Trường rào hàng trạng	
— — — — —	
— — — — —	
T	G
D	T
B	BT
— Nhà cấp 4	
— Nhà mặt bằng	
— Bìa mốp	
— Cột điện hạ thế	
— Cột điện trung thế	
— Trụ lỵ	

GHI CHÙ

- Tường rào hiện trạng
 - Mương, rãnh
 - Nhà lợp, nhà tạm
 - Nhà cấp 4
 - Nhà mái bằng
 - Bia mộ
 - Cột điện hạ thế
 - Cột điện trung thế
 - Tai luy
 - Mặt nước
 - Vía hè
 - Cây xanh
 - Điểm nút tọa độ

Cao độ TK (CH)
 4.10 ± 0.00
 3.60 ± 0.00

Tên nút
 (17)
 Cao độ tự nhiên



Tên mẫu	X	Y
N01	2329154.660	5600583.524
N02	2329154.660	5600584.267
N03	2329156.337	5600459.92
N04	2329156.337	5600459.92
N05	2329156.321	5600584.856
N06	2329114.335	5600382.526
N07	2329114.335	5600484.804
N08	2329114.335	5600542.47
N09	2329055.039	5600382.526
N10	2329055.039	5600484.804
N11	2329007.052	5600382.53
N12	2329007.051	5600484.804
N13	2328957.330	5600382.552
N14	2328957.330	5600484.804
N15	2328957.330	5600484.804

BẢNG THÔNG KÊ CÁC TUYÊN GIÁO THÔNG					Chiều dài (m)
STT	Tên tuyên	Điểm đầu	Điểm cuối	Hướng tuyên	
1	Tuyên 01	N01	N05	N01->N02->N03->N04->N05	161,53
2	Tuyên 02	N06	N08	N05->N07->N08	159,08
3	Tuyên 03	N09	N10	N09->N10	82,26
4	Tuyên 04	N11	N12	N11->N12	60,27
5	Tuyên 05	N13	N15	N13->N14->N15	228,97
6	Tuyên 06	N04	N13	N04->N07->N10->N12->N14	197,00
7	Tuyên 07	N04	N14	N01->N02->N03->N11->N13	197,34

BẢNG THÔNG KẾ CÁC KHU LẮT LỖ ĐỊ		
STT	Tên khu	Tổng chiều dài (m)
1	M07	Sàn nền lớp 1
2	M06	Sàn nền lớp 2
3	M05	Sàn nền lớp 3
4	M04	Sàn nền lớp 4
5	M03	Sàn nền lớp 5
6	MH&M02	Sàn nền lớp 6
7	M01	Sàn nền lớp 7

UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số/.....

Ngày tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHƯỜNG THUẬN THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:/.....

Ngày: tháng năm 20.....

Người phê duyệt ký tên:

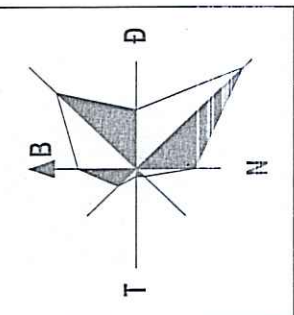
UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

BẢN VẼ
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
GIAO THÔNG

CHỮ KÝ		
HỌ VÀ TÊN		
TỔNG VĂN BÀ		
TỔNG VĂN BÀ		
NGUYỄN VĂN CHIẾN		
THIỆT KẾ		

CÔNG TY CỔ PHẦN
 TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHUYỂN GIAO
 CÔNG NGHỆ
 THÀNH AN
 KỶ HIỆU: BD.GT-01
 TỶ LỆ: 1/500
 HT: 2026
 BVS: 22
 TỶ LỆ: 1/500
 KỶ HIỆU: BD.GT-01
 TỶ LỆ: 1/500

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ HỆ ĐƯỜNG

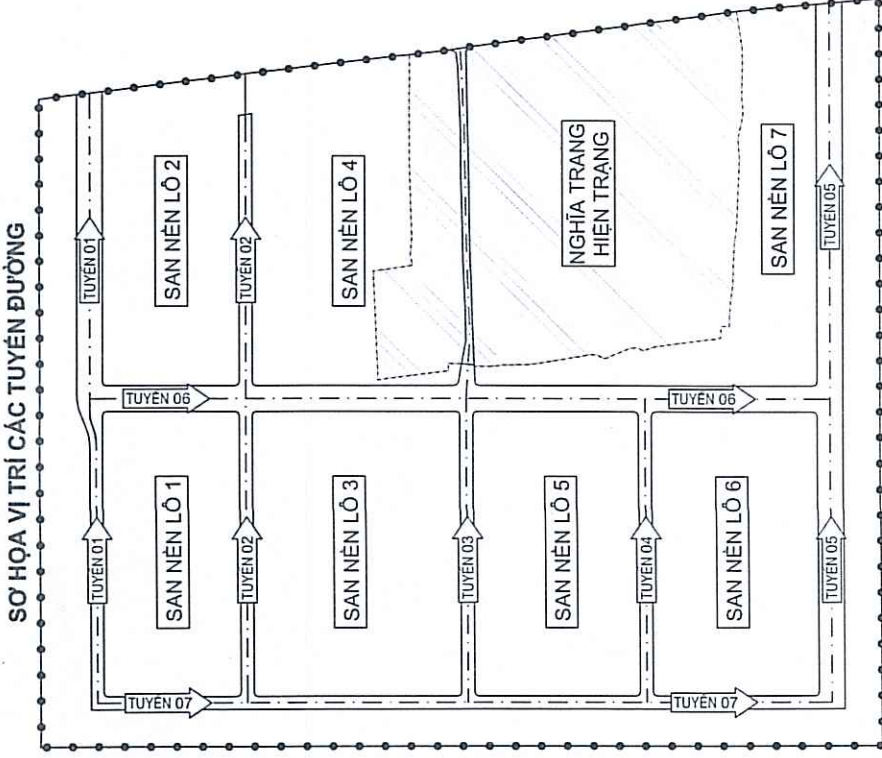


THẨM ĐỊNH

UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

Thọc Văn bản số:
Ngày tháng năm 20.....
Người thẩm định ký tên

CHỮ CHỮ	
- Trường ra hiện trạng - Mương, kênh - Nhà tôn, nhà tạm - Nhà cấp 4 - Nhà mái bằng - Bia mộ - Cây điện hạ thế - Cây điện trung thế - Tra luy - Mặt nước - Mặt đường - Núi giao - Vĩa hè - Cây xanh - Điểm nút tọa độ	              



Tên mẫu	Tọa độ (m)	
	X	Y
N01	2329154,66	5600452,524
N02	2329154,586	5600454,267
N03	2329156,37	5600459,52
N04	2329156,326	5600464,804
N05	2329156,231	5600562,866
N06	2329114,33	5600482,526
N07	2329114,335	5600484,804
N08	2329114,335	5600542,417
N09	2329095,033	5600542,592
N10	2329095,039	5600464,804
N11	2329007,052	5600382,53
N12	2329007,052	5600484,804
N13	2329057,330	5600562,592
N14	2329057,330	5600464,804
N15	2329057,330	5600565,504

Tên điểm	Tọa độ (m)	
	X	Y
01	2329169.92	560370.77
02	2329169.75	560546.66
03	2329122.66	560552.53
04	2329059.05	560560.18
05	2329053.47	560561.08
06	2328981.06	560571.15
07	2328943.83	560574.49
08	2328943.83	560370.78

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Hướng tuyến	Chiều dài (m)
1	Tuyến 01	N01	N05	N01→N02→N03→N04→N05	181,63
2	Tuyến 02	N06	N08	N06→N07→N08	159,80
3	Tuyến 03	N09	N10	N09→N10	82,28
4	Tuyến 04	N11	N12	N11→N12	82,27
5	Tuyến 05	N13	N15	N13→N14→N15	208,97
6	Tuyến 06	N04	N14	N04→N07→N10→N12→N14	199,00
7	Tuyến 07	N01	N13	N01→N06→N09→N11→N13	197,34

GHI CHÚ:	
Ô VÍA H= 12	Tên ô vĩa hè
(B12-B13)	Đoạn từ điểm B12 đến B13
S=45,16m ²	Diện tích vỉa hè (m ²)
LK1=37,62m	Chiều dài khóa hệ loại 1(m)
LK2=0,00m	Chiều dài khóa hệ loại 2(m)
L1=38,80m	Chiều dài vỉa hè thẳng (m)
LC=1,57m	Chiều dài bó vỉa cong (m)

Họ và tên	Số nhà	Đường	Quận/Huyện	Tỉnh/Thành phố
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHƯỜNG THUẬN THÀNH				
PHÊ DUYỆT				
Theo Quyết định số: /.....				
Ngày: tháng năm 20				
Người phê duyệt ký tên:				

[illegible]

7	Tuyên 07	N01	N13	N01+N06+N09+N11+N13	197.34	
DỰ AN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ PHÒNG NGHỈ TRẠNG TRẠI PHÒNG THUẬN THÀNH BÈ CHỢ MỚI MỘC PHƯỚC VƯỜN DÀ, CÔNG TRƯỜNG TRỒNG ĐIỀU VÀ PHÂN TRIỂN NINH TIẾM XÃ HUYỆN PHUONG THUAN THANH GIA BIEM PHUONG THUAN THANH - THỊRẮC NINH BƯỚC: THIẾT KẾ MÀN VỆ TH CÔNG						
UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH PHÒNG KINH TẾ H. TĂNG VÀO BỐ THÌ						
MỤC TIÊU		CHỨC DANH		HỌ VÀ TÊN		CHỨC VỊ
CHỨC DANH		CHU NIỆM T		TÔNG VĂN BÀ		
CHỨC VỊ		CHỦ TRƯ		TÔNG VĂN BÀ		
CHỨC VỊ		KIỂM TRA		NGUYỄN VĂN CHIÊN		
CHỨC VỊ		THIẾT KẾ		NGUYỄN BÌNH QUÂN		
ĐƠN VỊ: BAN TƯ XÂY DỰNG MỞ PHÒNG NGHỈ TRẠNG TRẠI PHÒNG THUẬN THÀNH BÈ CHỢ MỚI MỘC PHƯỚC VƯỜN DÀ, CÔNG TRƯỜNG TRỒNG ĐIỀU VÀ PHÂN TRIỂN NINH TIẾM XÃ HUYỆN PHUONG THUAN THANH GIA BIEM PHUONG THUAN THANH - THỊRẮC NINH BƯỚC: THIẾT KẾ MÀN VỆ TH CÔNG						
UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH PHÒNG KINH TẾ H. TĂNG VÀO BỐ THÌ						
MỤC TIÊU		CHỨC DANH		HỌ VÀ TÊN		CHỨC VỊ
CHỨC DANH		CHU NIỆM T		TÔNG VĂN BÀ		
CHỨC VỊ		CHỦ TRƯ		TÔNG VĂN BÀ		
CHỨC VỊ		KIỂM TRA		NGUYỄN VĂN CHIÊN		
CHỨC VỊ		THIẾT KẾ		NGUYỄN BÌNH QUÂN		

Người phê duyệt kỳ ten:
[Trang gồm phần tư vấn và khoa hệ chiếm chỗ]

1. Diện tích và hệ không
2. Khối lượng và hệ trên chưa giảm trừ phần ga và các công trình khác chiếm chỗ

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

BÌNH ĐỒ KHE NỔI (KHE CỎ, KHE DẤN, KHE ĐỌC)



SƠ HOA VỊ TRÍ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG

																																																																																																																										
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--

Tên nút	X	Y	Tọa độ
N01	22329154.690	5030392.526	526.526
N02	22329154.586	5040454.257	526.526
N03	22329156.337	5040469.572	526.526
N04	22329158.326	5040464.804	526.526
N05	22329158.231	5050583.562	526.526
N06	22329114.733	5040463.562	526.526
N07	22329114.335	5040464.804	526.526
N08	22329114.335	5050482.421	526.526
N09	22329055.033	5040463.562	526.526
N10	22329055.028	5040464.804	526.526
N11	22329007.062	5030482.421	526.526
N12	22329007.061	5040464.804	526.526
N13	22329057.330	5030482.421	526.526
N14	22329057.330	5040464.804	526.526
N15	22329057.330	5060989.504	526.526

Tên điểm	X	Y
01	2329169.92	560370.77
02	2329169.75	560546.66
03	2329129.56	560562.53
04	2329059.05	560560.18
05	2329053.47	560561.08
06	2329981.06	560571.15
07	2329943.83	560574.49
08	2329943.83	560370.78

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Hướng tuyến	Chiều dài
1	Tuyến 01	N08	N05	N01→N02→N03→N04→N05	181,53
2	Tuyến 02	N01	N08	N05→N07→N08	159,89
3	Tuyến 03	N09	N10	N09→N10	82,28
4	Tuyến 04	N11	N12	N11→N12	82,27
5	Tuyến 05	N13	N15	N13→N14→N15	206,97
6	Tuyến 06	N04	N14	N04→N07→N10→N12→N14	199,00
7	Tuyến 07	N07	N13	N01→N06→N09→N11→N13	197,34

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHƯỜNG THUẬN THÀNH

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:/.....
Ngày:tháng.....năm 20.....
Người phê duyệt ký tên:

UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH
 PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ DÔ THỊ

THẨM ĐỊNH

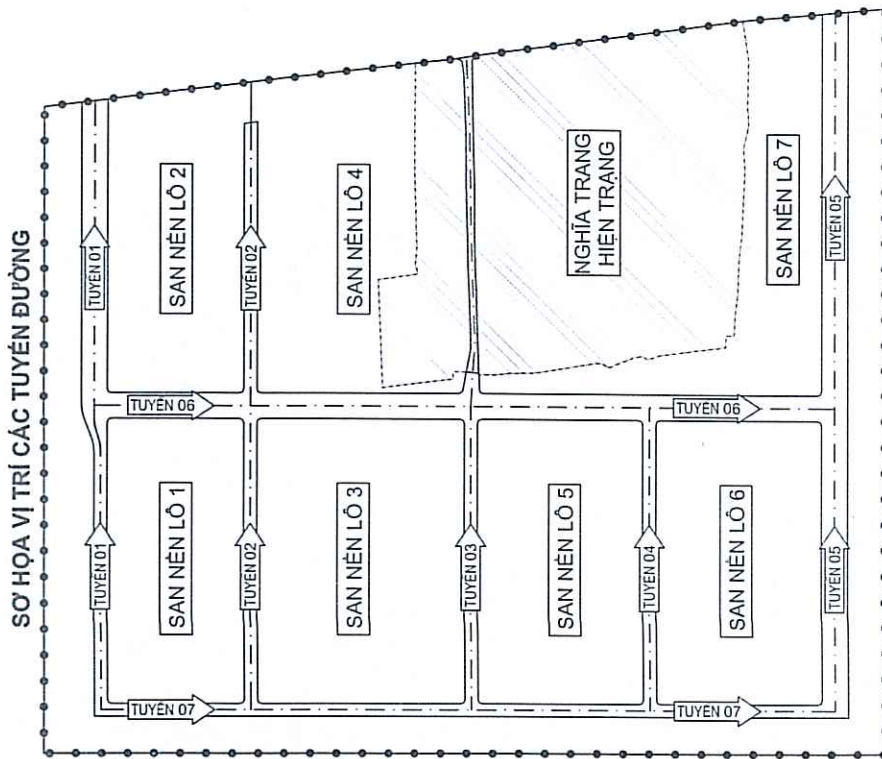
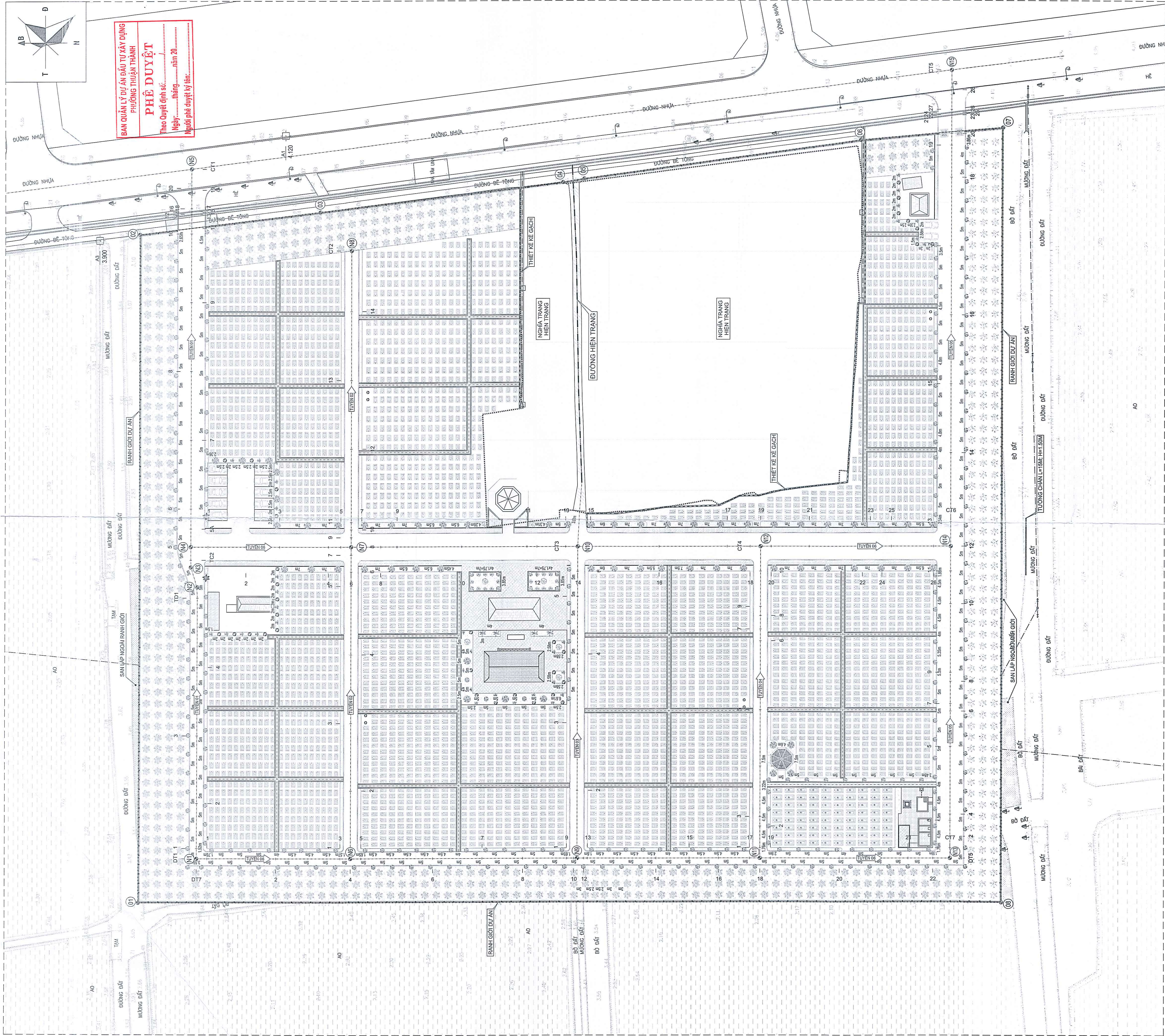
Theo Văn bản số:
 Ngày tháng năm 20.....
 Người thẩm định ký lên

UBND PHƯỜNG THUAN THANH PHÒNG KINH TẾ, TÀI VÀ ĐÔ THỊ		DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MÔ RÕNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUAN THANH BÈ DI CHUYỂN MÔ PHỤC VỤ DƯ AN CÔNG TRẦN TRONG BIÊN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUAN THANH ĐỊA ĐIỂM PHƯỜNG THUAN THANH - TỈNH BẮC NINH BƯỚC: THIẾT KẾ BẢN VẼ THÌ CÔNG		BẢN VẼ		CHỨC DANH CHỦ NHIỆM TK CHỦ TRÌ TK THIẾT KẾ KIỂM TRA		HỌ VÀ TÊN TÔNG VĂN BÀ TÔNG VĂN BÀ NGUYỄN VĂN CHEN NGUYỄN ĐÌNH HUNG		CHỮ KÝ    		CÔNG TRẦN THUYẾT MINH VÀ CHUYÊN GIA CHỈ THẠCH AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỰ DO, BÌNH ĐẲNG, NHÂN DÂN CHỦ * Q. THUAN THANH * CÔNG NGHỆ		HT: 2026 BVS: 24 KÝ HIỆU BDKH/01 TỶ L: 1:500 KS. LÊ HỒNG QUÂN	
---	--	---	--	--------	--	---	--	--	--	---	--	---	--	---	--

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

BÌNH ĐỒ CÂY XANH



GHI CHÚ

—○—○—○—	Tường rào hiện trạng
—	Mương, rãnh
T	Nhà lùn, nhà lợp
B	Nhà cấp 4
B1	Nhà mái bằng
—○—	Bia mộ
—○—	Cột điện hạ thế
—○—	Cột điện trung thế
—	Ta luy
—	Mặt nước
—	Mặt đường
—	Nút giao
—	Via hè
—	Cây xanh
—	Điểm nút tọa độ

BẢNG KẾ TOA ĐỘ NÚT GT

Tên nút	X	Y
N01	2329164.660	590392.524
N02	2329164.666	590454.267
N03	2329165.337	590456.52
N04	2329165.326	590464.804
N05	2329165.231	590553.856
N06	2329114.335	590382.526
N07	2329114.335	590444.804
N08	2329114.335	590542.417
N09	2329065.033	590382.528
N10	2329065.038	590464.804
N11	2329007.051	590382.53
N12	2329007.051	590444.804
N13	2328957.330	590382.532
N14	2328957.330	590464.804
N15	2328957.330	590559.504

BẢNG KẾ TỌA ĐỘ SANH GIỚI QH

Tên điểm	X	Y
01	2329160.12	590370.77
02	2329160.75	590456.06
03	2329122.45	590553.53
04	2329055.45	590601.18
05	2329053.47	590591.08
06	2328981.03	590571.15
07	2328943.83	590574.49
08	2328943.33	590570.78

BẢNG THÔNG KẾ CÁC TUYẾN GIAO THƯỜNG

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Hướng tuyến	Chiều dài (m)
1	Tuyến 01	N01	N05	N01->N02->N03->N04->N05	181.53
2	Tuyến 02	N06	N08	N06->N07->N08	159.89
3	Tuyến 03	N09	N10	N09->N10	82.28
4	Tuyến 04	N11	N12	N11->N12	82.27
5	Tuyến 05	N13	N15	N13->N14->N15	206.97
6	Tuyến 06	N04	N14	N04->N07->N10->N12->N14	199.00
7	Tuyến 07	N01	N13	N01->N06->N08->N11->N13	197.34

BẢNG THÔNG KẾ KHỐI LƯỢNG CÂY XANH - THUƠNG BÁC

STT	KÝ HIỆU	HÀNG MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1		CÂY KEO TÀI TƯỢNG	CÂY	734
2		CÂY NGÀU CẦU	CÂY	248
3		CÂY ĐẠI HOA TRẮNG	CÂY	7
4		CÂY HOA BAN TRẮNG	CÂY	58
5		CÂY TÙNG THẤP	CÂY	6
6		CÂY MÀU ĐƠN	CÂY	34
7		CÂY HOA GIẤY	CÂY	34
8		CÂY VẠN TÚE	CÂY	16
9		THÙNG RÁC NHỰA BUL KT450X50X60MM	CAI	14

GHI CHÚ:
1. KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC CÂY LÀ 3M (TRỪ CÂY RA CỤ THỂ)

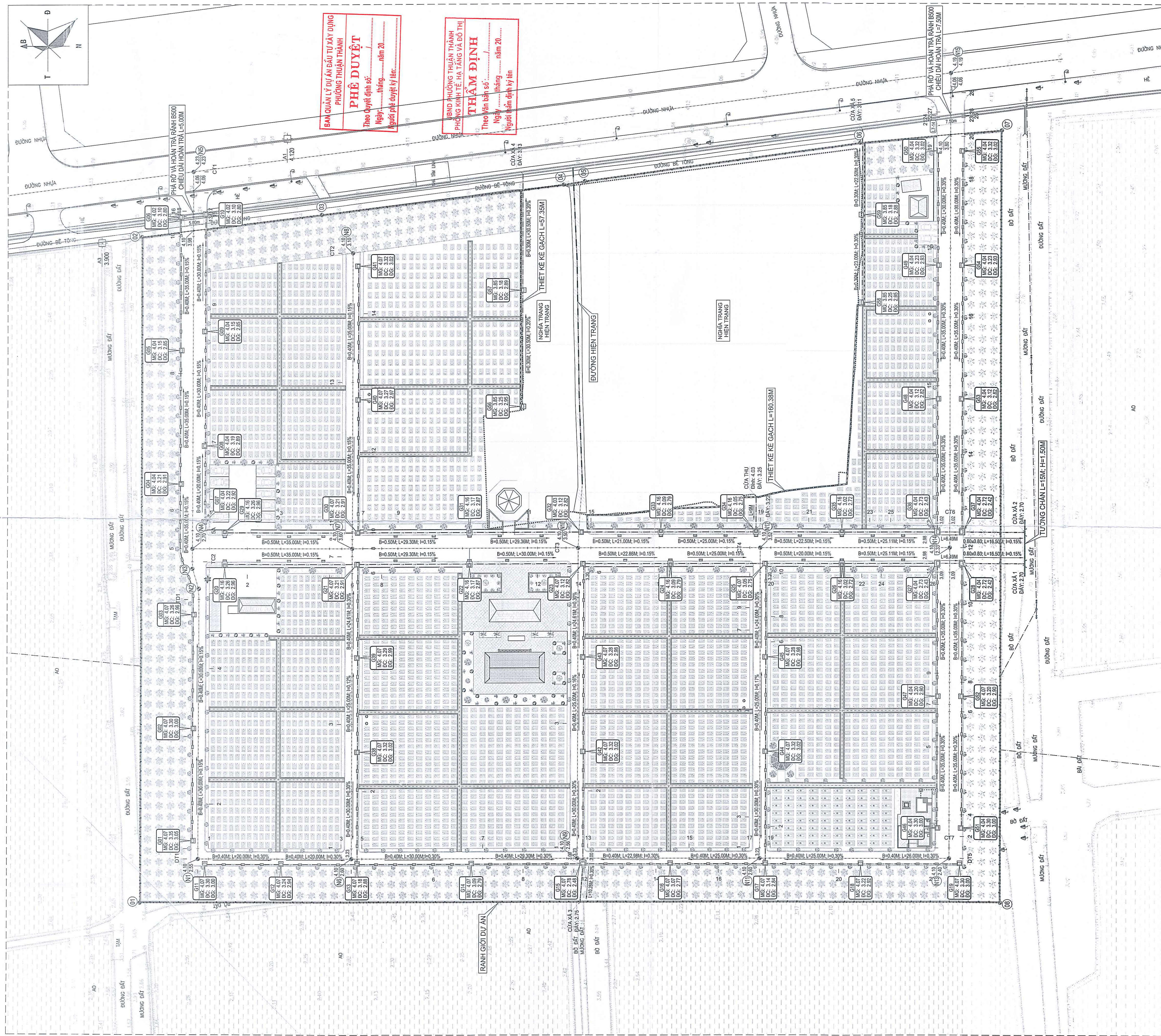
THẨM ĐỊNH
UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH
PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
Theo Văn bản số: năm 20.....
Người thẩm định ký tên:

UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH PHÒNG KINH TẾ - HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ		BẢN VẼ		CHỨC DANH		HỌ VÀ TÊN		CHỖ KÝ		CHUYÊN GIAO CHỈ THẠCH AN	
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH		BÌNH ĐỒ CÂY XANH		CHỦ NHẬN TK		TỔNG VẤN BÀ		TỔNG VẤN BÀ		HT: 2026	
BIA ĐỀ: THIẾT KẾ MẶT VẼ TH CÔNG				THIẾT KẾ		NGUYỄN VĂN CHIẾN		NGUYỄN VĂN CHIẾN		BVC: 26	
				KIỂM TRA		NGUYỄN ĐÌNH HÙNG		NGUYỄN ĐÌNH HÙNG		KÝ HIỆU: BD-CX-01	
										TỶ LỆ: 1:500	

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC MƯA



The site plan illustrates the layout of the 'SỐ HOÀ VỊ TRÍ CÁC TUYÊN ĐƯỜNG' (Social Location of the Streets). It features a grid of streets and building footprints. The plan includes labels for 'SÂN NÉN LỘ 1' through 'SÂN NÉN LỘ 7', 'NGHIA TRANG THIÊN THỜNG', and 'TUYÊN ĐƯỜNG'. A scale bar at the bottom indicates distances from 0 to 100 meters.

CHI CHỮ

- Đường gáo hiện trạng
- Mương, rãnh
- Nhà tôn, nhà tạm
- Nhà cấp 4
- Nhà mái bằng
- Bia mộ
- Cột điện hạ thế
- Cột điện trung thế
- Tà luy
- Mật nước
- Vả thế
- Cây xanh
- Điểm nút loa dáp
- Cao độ TKN (CH)
- 4.15 (M)
- Tên nút
- Cao độ dự thiên

BẢNG KẾ TOA ĐỘ GÓC RANH

[illegible]BẢNG KẾ TOÁN ĐỒ GẠ

(m)	Y	Ten ga
560381.235	G33	232
560381.236	G34	233
560381.237	G35	234
560460.550	G36	235
560460.539	G37	236
560460.640	G38	237
560460.639	G39	238
560460.640	G40	239
560460.649	G41	240
560460.649	G42	241
560460.639	G43	242
560460.640	G44	243
560460.958	G45	244
560468.969	G46	245
560469.059	G47	246

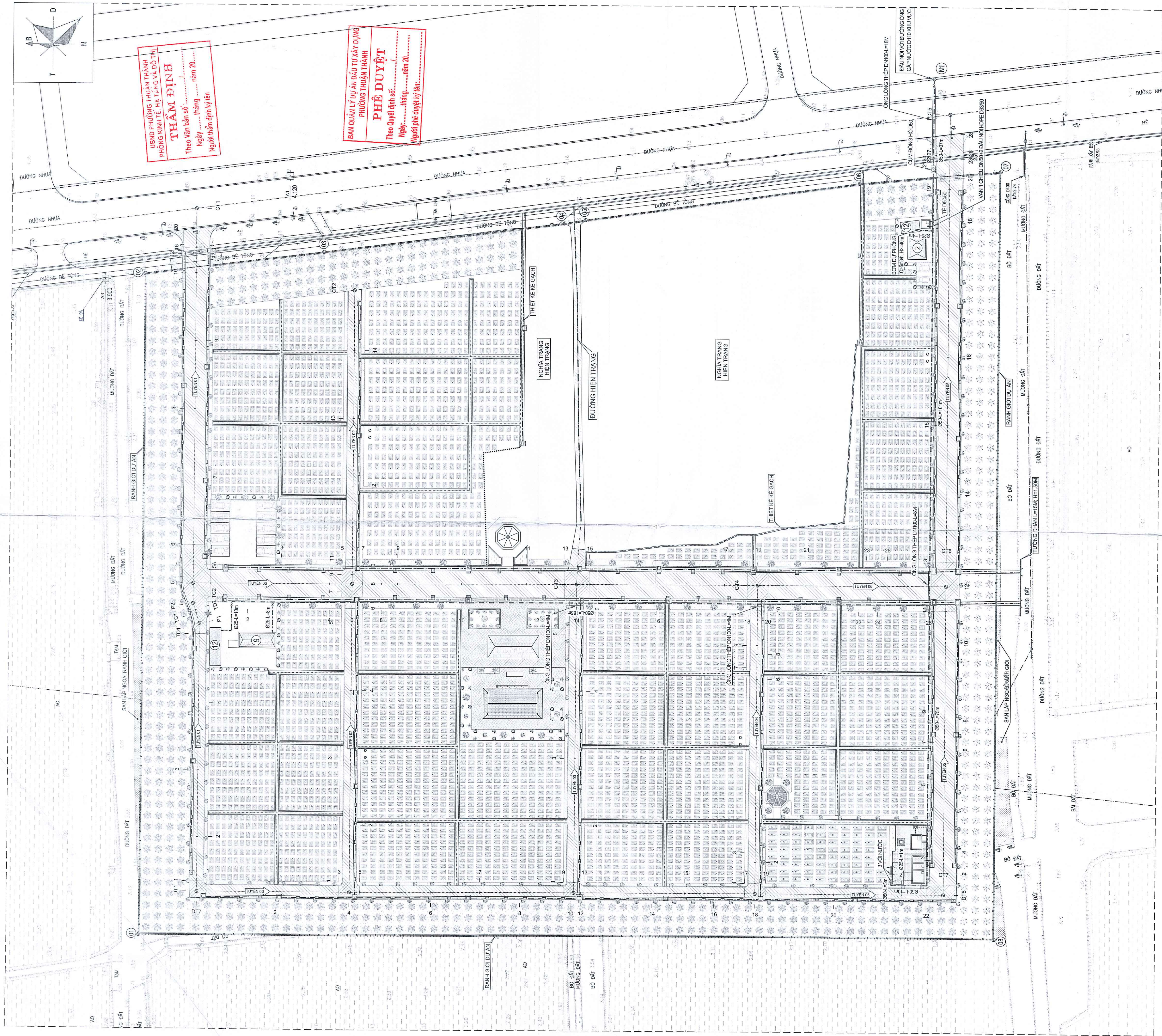
Tên ga	X	Y
G49	2328960,375	560536,969
G50	2328960,375	560556,969
G51	2328964,285	560390,639
G52	2328954,284	560425,639
G53	2328954,285	560503,969
G54	2328954,285	560536,969
G55	2328954,285	560556,969
G56	2329069,500	560501,992
G57	2329069,500	560532,992
G58	2329807,732	560529,222
G59	2328980,732	560562,222
G61	2328937,587	560460,639
CX2	2328937,588	560468,920
CX3	2329063,245	560372,778
CX4	2329063,245	560552,992

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KỶ RONG NGHĨA TRANG TỰ PHƯỜNG THUAN THANH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DƯ, AN CÔNG TRÌNH TRƯỚC ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUAN THANH ĐÀI ĐIỂM: PHƯỜNG THUAN THANH - TỈNH BẮC NINH BUỒC THIẾT KẾ BẢN VẼ THÍ CÔNG	BẢN VẼ BÌNH DỒ THIẾT KẾ THOÁT NƯỚC MƯA		CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	KỶ HIỆU: BTĐN-M/3 TỶ LỆ: 1/500 KSS: L. HỒNG QUÂN
			CHỦ NHIỆM TK CHỦ TRÌ TK THIẾT KẾ KIỂM TRA	TONG VĂN BÀ NGUYỄN TRÍ TÙNG NGUYỄN VĂN NGỌC NGUYỄN VĂN NGỌC	 	
UBND PHƯỜNG THUAN THANH PHÒNG KINH TẾ HẠ TÀNG VÀ ĐÔ THỊ	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KỸ THUẬT VÀ THIẾT KẾ TỰ PHƯỜNG THUAN THANH VÀ CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DƯ, AN CÔNG TRÌNH TRƯỚC ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUAN THANH ĐÀI ĐIỂM: PHƯỜNG THUAN THANH - TỈNH BẮC NINH BUỒC THIẾT KẾ BẢN VẼ THÍ CÔNG					

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THUẬN THÀNH ĐỂ DI CHUYỂN MỘ PHỤC VỤ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH

ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC



SƠ HỌA VỊ TRÍ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG

GIỚI THIỆU	Từ vựng theo hiện trạng
	- Muống, rãnh
	- Nhà tôn, nhà tạm
	- Nhà cấp 4
	- Nhà mặt bằng
	- Bìa mõ
	- Cột điện hạ thế
	- Cột điện trung thế
	- Tà luy
	- Mặt nước
	- Mặt đường
	- Núi giao
	- Vĩa hè
	- Cây xanh
	- Điện mặt trời áp

Tên điểm	Tọa độ (m)	
	X	Y
01	2329169,92	560370,77
02	2329169,75	560546,66
03	2329122,50	560552,53
04	2329059,05	560560,18
05	2329053,47	560561,08
06	2329981,06	560571,15
07	2326943,83	560574,49
08	2326943,8	560370,78

GHI CHÚ

- Ống cấp nước khu vực
- Ống cấp nước dịch vụ thiết kế
- Van chặn
- Đồng hồ lưu lượng

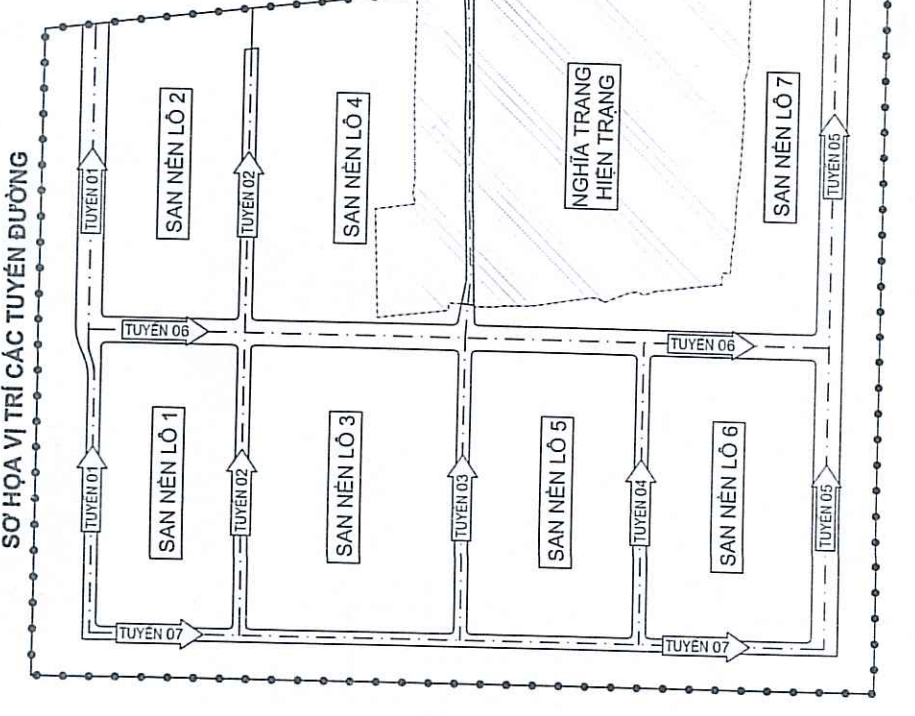
CẤP NƯỚC CHO

1. NHÀ QUẢN TRẠNG (9)
2. NHÀ VỆ SINH WC (SỐ 12)
3. KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI (SỐ 3)
4. KHU RỬA HẢI CỐT (SỐ 14)

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CÁP NƯỚC

STT	Hạng mục	Đơn vị	Điểm tính	Khoảng	Giá chi
1	ống nhựa HDPE D50	m	$37 \times 10^3 + 75 \times 10^3 \times 185$	413,00	Thùng 6 mét bằng
2	ống bằng thép DN100	m	18.844+44	34,00	Thùng 6 mét bằng
3	ống bằng thép HDPE D25	Cái	$4 \times 1 \times 18 \times 10$	25,00	Thùng 6 mét bằng
4	Tê HDPE D10/50	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	3,00	
5	Tê HDPE D50/25	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	5,00	
6	Tê HDPE D50/25	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	2,00	
7	Tê HDPE D25/25	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	0,00	
8	Cút HDPE D50	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	2,00	
9	Cút HDPE D25	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	13,00	
10	Nút bít DHPE D50	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	2,00	
11	Nút bít DHPE D25	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	7,00	
12	Cụm Van Ren D50	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	3,00	
13	Cụm Van Ren D25	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	6,00	
14	Cụm van nước D20	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	3,00	
15	Ván 1 chiều D50 + Nút nhân ren ngoài DN20*	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	3,00	
16	Cổng đường bộ ống DN50	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	1-2	
17	Dào miệng hố ống	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	1-2	
18	Đắp đất hoàn trả K50	m ³	$(413 \times 257) \times (0,3 \times 0,4) \times 20,5$	76,65	
19	Bê-chốt dự phòng	m ³	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	1,00	
20	Bơm dự phòng Q=37,3 l/s ~40m + Hộp vận hành	Cái	Thông 6 mét bằng tổng thể cấp nước	1,00	

UBND PHƯỜNG THUẬN THÀNH PHÒNG KINH TẾ HẠNG VÀ ĐỒ THỊ		BẢN VẼ		MẬT BẢNG CẤP NƯỚC		CHUYÊN GIAO ON THÀNH AN	
ĐỊ AN ĐAU TỰ XÂY DỰNG MỎ RONG NGHĨA TRẠNG	TỰ PHƯƠNG THAM THAM DE DI CHUYỂN MỎ PHỤC VỤ DƯ DƯ CÔNG TRÌNH TRỒNG BIỂA VÀ PHỤ TRÊN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA PHƯỜNG THUẬN THÀNH	CHỦ DANH	HỌ VÀ TÊN	CHỦ KÝ	CHỖ KÝ	CHỖ KÝ	CHỖ KÝ
		CHỦ NHIỆM TK	TÔNG VĂN BÀ				
		CHỦ TRÍ TK	NGUYỄN TRỊ TÙNG				
		THIỆT KẾ	NGUYỄN VĂN NGỌC				
		KIỂM TRA	NGUYỄN TRỊ TÙNG				



Tên nút	Tọa độ (m)	
	X	Y
N01	2232154,660	560332,124
N02	2232154,598	560454,107
N03	2232156,337	560459,231
N04	2232156,236	560464,104
N05	2232156,231	560563,156
N06	2232114,331	560382,126
N07	2232114,335	560464,104
N08	2232014,335	560542,117
N09	2232055,033	560382,128
N10	2232055,033	560464,104
N11	2232007,052	560362,153
N12	2232007,051	560464,104
N13	2232857,330	560383,152
N14	2232857,330	560464,104
N15	2232857,330	560565,104

Tên điểm	Tọa độ (m)	
	X	Y
01	2329169,92	560370,77
02	2329169,75	560546,66
03	2329122,56	560552,53
04	2329059,05	560560,18
05	2329053,47	560561,08
06	2329691,06	560571,15
07	2329694,83	560574,49
08	2329693,70	560370,77

THẨM ĐỊNH

UBNG PHƯỜNG THUẬN THÀNH
PHONG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ DÔ THỊ

Theo Văn bản số: /

Ngày tháng năm 20.....

Người thẩm định ký tên

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHƯỜNG THUẬN THÀNH**

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số:/.....
 Ngày:tháng.....năm 20.....
 Người phê duyệt ký tên:

UBND PHƯỜNG THỊNH AN PHÒNG KINH TẾ HẠ TĂNG VÀ ĐỒ THỊ	DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MÔ HÌNH NGHĨA TRANG TẠI PHƯỜNG THỊNH AN (ĐE DI CHUYỂN MÔ PHUOC KINH TẾ HẠ TĂNG VÀ ĐỒ THỊ) ĐỀ BÀNG PHƯƠNG THỨC THANG: THANG SẮC NINH BƯỚC: THIẾT KẾ 01 NỀN THÌ CÔNG	BÀI VẼ	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN HẠ THÊ				CHỨC DANH		HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	UBND PHƯỜNG THỊNH AN CHUYỂN GIAO CN THANH AN HT: 2028 BVS: HB KÝ HIỆU MB CĐT TỶ LỆ: 1:1000 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỖ CHỮ ĐÓNG VÀ CHỮ Đ
---	---	--------	-----------------------------	--	--	--	-----------	--	-----------	--------	---